

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 9 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Xuân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Chuyên

2. Bà Đoàn Thị Duyên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu Ngoan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2024/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXX - ST ngày 12/8/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐ-HPT ngày 06/9/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Bích H**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội

- *Bị đơn:* Anh **Dương Xuân T**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: tổ dân phố T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 5, phân trại số 5, Trại giam Ninh Khánh thuộc xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Bích H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 04/3/2009 tại UBND xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà sinh sống tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội đến năm 2012 thì chuyển về sinh sống cùng gia đình anh T tại thị trấn K, huyện K tỉnh Thái Bình. Đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Chị H đã mang theo con chung về nhà mẹ chị H ở huyện S thành phố Hà Nội sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Sau đó thì anh T đi chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh. Nay chị H xác định không thể tiếp duy trì quan hệ vợ chồng với anh T được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Dương Thảo V sinh ngày 19/02/2011. Ly hôn chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, vợ chồng không vay nợ chung.

*\* Biên bản xác minh tại UBND thị trấn Kiến Xương thể hiện:* Anh T và chị H có làm thủ tục để đăng ký kết hôn tại xã Minh Trí huyện Sóc Sơn thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng gia đình anh T tại tổ dân phố T thị trấn K huyện Kiến Xương một thời gian sau đó chị H đưa con chung về quê Sóc Sơn, Hà Nội sinh sống nhiều năm nay không quay về chung sống cùng anh T. Năm 2022, anh T chấp hành án tại trại giam về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Nhà của anh T do con trai riêng anh T đang quản lý sử dụng. Vợ chồng có 01 con chung là Dương Thảo V sinh năm 2011 hiện sinh sống cùng chị H. Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của các tổ chức đoàn thể tại địa phương. Nay chị H xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật dựa trên thực tế là vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay không còn quan tâm đến nhau.

Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án; bản sao đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ do chị H cung cấp; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh T, anh T nhất trí không có ý kiến gì.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận cho chị H được ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Dương Thảo V sinh ngày 19/02/2011. Ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn nhưng bị đơn đang chấp hành án tại trại giam nên không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND thị trấn Kiến Xương, huyện Kiến Xương để làm rõ tình trạng hôn nhân, tài sản chung vợ chồng, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị H kết hôn với anh T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Trí huyện Sóc Sơn thành phố Hà Nội là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau, không liên lạc và không quan tâm đến nhau từ năm 2013 đến nay. Nay chị

H xin ly hôn và anh T nhất trí không có ý kiến. Điều này chứng tỏ đời sống chung của vợ chồng thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Dương Thảo V sinh ngày 19/02/2011 đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Cháu V có nguyện vọng được ở với chị H. Xét thấy, con chung của vợ chồng chị H và anh T đang được chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T hiện tại không có mặt tại địa phương, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị H, ý kiến của Viện kiểm sát: giao con chung Dương Thảo V cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con chung. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị H khai không có, Tòa án chưa ghi được lời khai của anh T nên chưa có cơ sở xem xét, vì vậy Tòa án không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản chung.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Trần Thị Bích H được ly hôn anh Dương Xuân T.

2. *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Dương Thảo V sinh ngày 19/02/2011. Ly hôn, giao con chung Dương Thảo V sinh ngày 19/02/2011 cho chị Trần Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị H

không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Chị H và anh T có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị Bích H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0002136 ngày 29/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Chị Trần Thị Bích H đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi T án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội ;
- Lưu: hồ sơ, vp.

**Lê Thị Thanh Xuân**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Thanh Xuân**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 09 giờ 10 phút ngày 01 tháng 8 năm 2018

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Như Trang

+ Bà Đoàn Thị Duyên

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 89/2018/TLST - HNGĐ ngày 12/6/2018 về việc: *ly hôn* giữa:

Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị Thiêm**, sinh năm 1979; có mặt.

Địa chỉ: thôn Bình Sơn, xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Anh **Vũ Văn Cửu**, sinh năm 1974; vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Bình Sơn, xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Phòng giam số 02, Trại giam số 05, thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định, tỉnh Thanh.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

*2. Về hôn nhân:*

- Xử cho chị Đoàn Thị Thiềm được ly hôn anh Vũ Văn Cửu.

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết: 3/3.

*3. Về nuôi con chung:* Con chung của chị Đoàn Thị Thiềm và anh Vũ Văn Cửu đã trưởng thành nên Tòa án không đặt ra giải quyết

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết: 3/3

*4. Về tài sản chung, nợ chung:* không có

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết: 3/3.

*5. Về án phí:* Chị Đoàn Thị Thiềm phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0000 ngày của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Chị Đoàn Thị Thiềm đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết: 3/3

*6. Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật;

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

Biên bản lập xong, các thành viên HĐXX đã đọc lại và nhất trí ký tên dưới đây.

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**



***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Kiên Xương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thanh Xuân**

